

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2024

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết Nga

Bà Huỳnh Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tô Thị Mai T**, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T1**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Tô Thị Mai T trình bày:*

Qua quen biết chị T và anh Lê Văn T1 có tiền đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 110, ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T1 đi lại ở

ngoài bất thường, về nhà hay câu gắt, ăn chơi không lo chí thú làm ăn, chị T và anh T1 không có tiếng nói chung mà thường hay cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay, từ lúc ly thân anh T1 cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ngày 26/4/2024 nguyên đơn chị Tô Thị Mai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày: Anh vẫn còn thương chị Tô Thị Mai T và muốn hàn gắn với chị T. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Tô Thị Mai T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tô Thị Mai T và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 110, ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, T1 đi lại ở ngoài bất thường, về nhà hay câu gắt, ăn chơi không lo chí thú làm ăn, chị và anh T1 không có tiếng nói chung mà thường hay cự cãi, hai anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Xét thấy anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt. Chị T và anh T1 đã ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không lý do, điều này thể

hiện anh T1 không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy chị T và anh T1 cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Tô Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Mai T.

1. Về hôn nhân: Chị Tô Thị Mai T được ly hôn với anh Lê Văn T1.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tô Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000847 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đường sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka